

GIÁ TRỊ PHƯƠNG ĐÔNG TRONG NHẬN THỨC VÀ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN NAY

★ PGS, TS HỒ TRỌNG HOÀI

*Viện Tôn giáo và dân tộc,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Phương Đông là khu vực sớm hình thành nhiều tư tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa. Các tư tưởng đó nảy sinh trên cơ tầng lịch sử, văn hóa giàu tính nhân văn, nhân đạo với nhiều nét đặc thù mà Việt Nam là một trong số đó. Vì lẽ đó, mặc dù ở phương Đông, chủ nghĩa tư bản phát triển muộn hơn so với phương Tây và nhân dân các dân tộc phải chịu cảnh áp bức rất khắc nghiệt của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, song lại là môi trường thuận lợi cho sự du nhập tư tưởng mác xít và nhanh chóng được hiện thực hóa. Đó là cơ sở để tin tưởng rằng, dù bối cảnh thế giới hết sức phức tạp, nhưng các giá trị tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại và khẳng định sức sống của mình.
- **Từ khóa:** giá trị phương Đông; chủ nghĩa xã hội; khẳng định sức sống.

1. Mở đầu

Lịch sử nhân loại cho thấy, mọi sự phát triển nói chung đều dựa trên những tiền đề khách quan nhất định. Theo đó, từ truyền thống đến hiện đại trở thành quy luật có tính phổ quát. Chính vì vậy, truyền thống được bảo lưu, được cải biến và biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau trong hiện tại.

Trong lĩnh vực tư tưởng, các giá trị truyền thống có mặt trong các giá trị đương đại, trở thành một bộ phận của đương đại. Tuy nhiên, cần lưu ý là, các giá trị truyền thống thể hiện vai trò của nó không thuần túy một chiều dù ở giai đoạn trước được xác định là giá trị. Lý do bởi, không gian lịch sử đã có những biến đổi nên có những yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi phải xác lập các giá trị mới. Vì lẽ ấy, nhận diện các

giá trị truyền thống cũng như vai trò, ý nghĩa của nó để kế thừa, phát huy hay loại bỏ là thao tác cần thiết của không chỉ giới học thuật mà cả giới lãnh đạo, quản lý xã hội để phòng tránh khuynh hướng cực đoan như coi thường, phủ nhận truyền thống hay nệ cổ, giáo điều.

Với Việt Nam, để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không thể không kế thừa có chọn lọc và phát huy các yếu tố còn có ý nghĩa tích cực trong hệ giá trị tinh thần truyền thống. Thực hiện phương châm này không chỉ phù hợp với quy luật lịch sử khách quan mà còn bởi phương Đông nói chung là mảnh đất sớm hình thành nhiều giá trị tinh thần giàu tính nhân văn, nhân đạo có những tương đồng với các giá trị của chủ nghĩa xã hội.

2. Nội dung

2.1. Phương Đông - nơi sớm ra đời nhiều học thuyết xã hội chứa đựng nhiều giá trị của chủ nghĩa xã hội

Khi tiếp cận chủ nghĩa xã hội với tính cách là những trào lưu tư tưởng chứa đựng các giá trị nhân văn, nhân đạo, có thể thấy: chủ nghĩa Mác không phải là trào lưu tư tưởng biệt lập mà là sự tiếp tục dòng chảy tư tưởng của nhân loại về những giá trị nhân văn, nhân đạo ở trình độ mới về chất. Theo đó, từ rất sớm, các tư tưởng tiến bộ đã được phản ánh trong các học thuyết xã hội ở nhiều quốc gia cổ đại mà tiêu biểu là Trung Hoa, Ấn Độ và trong tư tưởng của các nhà tư tưởng Việt Nam thời kỳ độc lập, tự chủ.

Ở Trung Hoa, trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến quốc, do chiến tranh, loạn lạc, hàng loạt trào lưu tư tưởng lớn đã ra đời chứa đựng vũ trụ quan và nhân sinh quan giàu chất nhân văn, nhân đạo. Trong các trào lưu ấy, Nho giáo là một trào lưu nổi bật. Mặc dù Khổng Tử ít bàn về vũ trụ quan, song ông cũng đã đề cập đến các phạm trù như Quý thần, Trời đất. Theo ông, “Quý thần kính nhi viễn chi” hay “Kính thần như thần tại” và đề cao mệnh trời. Khi bàn về Văn Vương, Khổng Tử cho rằng, đó là do mệnh trời (“Có mệnh tự trời” - Kinh thi, *Đại nhã*). Ông cũng cho rằng, đạo có hành được hay không cũng do mệnh trời (*Hiển vấn*).

Mặc dù nhiều người cho rằng thế giới quan đó có tính chất duy tâm, song cần thấy rằng, Trời trong quan niệm của Khổng Tử là thế lực bên ngoài có vai trò quyết định con người và xã hội, là cái khách quan quy định mà con người phải tuân phục. Ở đây, điều đặc biệt và dường như mâu thuẫn với học thuyết Khổng Tử bởi chính ông lại là người đề cao con người, đề cao nỗ lực tự thân của họ. Lý do bởi trong học thuyết ấy, chữ Nhân, chữ Nghĩa, chữ Lễ, chữ Tín, chữ

Dũng, chữ Liêm được đặc biệt coi trọng. Quan trọng hơn, ông mong ước xây dựng một xã hội “thái bình thịnh trị”, một xã hội “hòa mục”, “xã hội đại đồng”. Có thể nói, Nho giáo đã đề cập đến 3 trụ cột, bao gồm: (1) Mục tiêu: xã hội đại đồng; (2) Con người cầm quyền (người quân tử); (3) Phương thức cai trị: Đức trị.

Để đạt tới thế giới đại đồng, Nho giáo chủ trương người quân tử cầm quyền bằng phương thức đức trị. Người quân tử phải hội đủ nhiều phẩm chất như nhân, trí, dũng, liêm; phải thực hành bát mục mà trước hết là đề tu thân (chính tâm, thành ý, cách vật, trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ) theo chu trình Học - Tu - Hành - Đạo để đạt đạo, đắc đạo. Nho giáo cũng yêu cầu người cai trị dân 3 điều là: dưỡng dân, giáo dân và khoan dân...

Đề cập đến vấn đề này, Hồ Chí Minh viết: “Khổng Tử vĩ đại (551 TCN) khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông từng nói thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng”⁽¹⁾. Thế giới đại đồng được Khổng Tử mô tả như sau: Đạo lớn thi hành, thiên hạ đều là của chung, tuyển chọn người hiền có tài năng, nói điều tín nghĩa hòa mục, cho nên người ta không chỉ lo cho người thân của mình, không chỉ lo cho con cái của mình. Xã hội như vậy đủ khiến cho người già được chết yên lành và người khỏe mạnh có chỗ dung tói, xã hội như vậy khiến cho trẻ nhỏ được yên vui lớn lên. Xã hội như vậy kính trọng người cô quả bơ vơ, bệnh tật và nuôi dưỡng họ. Đàn ông nào cũng có chức phận, đàn bà nào cũng có chồng. Của cải không bị phung phí mà cũng chẳng cần phải cất giấu. Sức mạnh không cần mang ra khoe mà cũng chẳng vì mình, cho nên xã hội như vậy không cần dùng trí mưu lược, mà bọn đạo tặc trộm cắp không nổi lên được, cho nên cửa ngoài không cần đóng. Đó là xã hội đại đồng (Lễ ký, *Lễ vận*).

Tiếp nối tư tưởng của Khổng Tử, khi đề cập đến tính người, Mạnh Tử đã nhấn mạnh bản chất thiện (“Nhân chi sơ tính bản thiện”) và do đó có cơ sở để giáo hóa người hung dữ trở thành lương thiện. Ông chủ trương đẩy mạnh sản xuất và tổ chức lại sản xuất để có một xã hội phú cường - cơ sở để loại trừ tính ác, nuôi dưỡng tính thiện. Ông cũng chủ trương bảo vệ, chăm sóc trẻ em, tạo điều kiện để người già nghỉ ngơi, đề cao giáo dục, lao động bắt buộc với người trưởng thành, lên án thói ăn bám. Đặc biệt, ông đề cao vị trí, vai trò của Dân (Dân vi quý, quân vi khinh, xã tắc thứ chi). Hồ Chí Minh nhận xét, “Mạnh Tử đã vạch ra một kế hoạch chi tiết để tổ chức sản xuất và tiêu thụ” hay “không có điều gì đề án của ông không đề cập đến”⁽²⁾.

Ngoài học phái Nho gia, còn nhiều học phái khác chứa đựng nhiều tư tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa sơ khai mà Lão gia là một ví dụ. Theo đó, Lão Tử cho rằng, Đạo là khách thể trừu tượng, khách quan mà phương thức thể hiện hoàn hảo nhất là Đức (xem Lão Tử đạo đức kinh); Đạo là nguồn gốc của vạn vật, vận hành theo quy luật quân bình, phản phục. Theo ông, con người là sản phẩm không chỉ của giới tự nhiên mà còn là của xã hội. Với phương pháp luận và nhận thức luận có tính biện chứng sơ khai, ông đã nhận thấy giới tự nhiên là khách thể khách quan, tồn tại độc lập với ý thức con người và lý giải về con người bắt đầu từ giới tự nhiên. Theo đó, “có một vật hỗn độn và thành trước cả trời đất. Nó yên lặng (vô thanh) trống rỗng (vô hình), đứng một mình mà không thay đổi (bất biến), vận hành khắp vũ trụ mà không ngừng, có thể coi nó là mẹ của vạn vật trong thiên hạ. Ta không biết tên nó là gì, tạm đặt tên cho nó là đạo”⁽³⁾ hay “Trong vũ trụ có bốn cái lớn mà người là một. Người bắt chước đất, đất

bắt chước trời, trời bắt chước đạo, đạo bắt chước tự nhiên”⁽⁴⁾.

Từ vũ trụ quan đó, Lão Tử giải thích về xã hội. Ông cho rằng xã hội loạn lạc, rối ren là do người cai trị không nắm được luật quân bình âm dương. Đạo là gốc của vạn vật nhưng để trở thành cái này hoặc cái kia phải do đức. Do vậy, đức là biểu hiện bản chất của đạo. Theo luật quân bình, thiên hạ có gái, có trai, có họa, có phúc, có may, có rủi... và các mặt đối lập đó luôn nhường chỗ cho nhau theo luật phản phục (biến đến cùng thì tắc hóa). Vì quan niệm đạo như trên nên Lão Tử cho rằng, con người muốn biết về đạo thì phải đặt nó trong trạng thái vốn có theo kiểu “thánh nhân không có thành kiến, lấy lòng thiên hạ làm lòng mình”⁽⁵⁾.

Một điểm mâu chốt trong nhân sinh quan của Lão Tử là quan niệm về vô vi và đó là một lối sống đạt đạo. Theo đó, vô vi không có nghĩa là không làm gì mà không làm trái tự nhiên (tự nhiên như nhiên). Con người sống phải biết đủ (tri túc), biết nghĩ đến người xung quanh, “ngoài thì biểu hiện sự mộc mạc, trong thì giữ sự chất phác, giảm tư tâm, bớt dục vọng”⁽⁶⁾.

Cũng giống Nho giáo, Đạo giáo mong muốn có một xã hội đại đồng, thịnh trị. Ông khuyên nhà cầm quyền cai trị không áp đặt và thay vào đó là xây dựng một xã hội trật tự theo quy luật tự nhiên, ít áp đặt dân nhưng xã hội vẫn phát triển và ổn định. “Ta không làm gì mà dân tự cải hóa, ta ưa thanh tịnh mà dân tự nhiên thuần chính, ta không ban giáo lệnh mà dân tự phú túc, ta vô dục mà dân tự hóa ra chất phác”⁽⁷⁾. Cũng theo ông, nếu nhà cầm quyền đặt nhiều lệnh cấm thì dân nghèo đi, dân càng nghèo thì nước càng yếu. Bậc trị quốc mà quá khát khe, đem pháp lệnh bủa giăng trên đầu dân thì dân cũng tìm mọi thủ đoạn để trốn tránh. Muốn thiên hạ cường thịnh thì “đừng bó buộc đời sống của

dân, đừng áp bức kẻ sinh nhai của dân”⁽⁸⁾. Trong trị quốc, nhà cầm quyền không can thiệp thô bạo mà biết hành xử “thuận lẽ tự nhiên”. Trong xã hội, con người trở nên bạo tàn là do người cai trị áp đặt, dồn họ đến bước đường cùng, nên muốn lòng dân không loạn phải biết dưỡng dân và ngược lại, theo luật phản phục, đạo sẽ vận hành theo kiểu “thể gian biến cải vũng nên đồi” hay “bao giờ dân nổi can qua, con vua thất thế lại ra quét chùa”.

Ấn Độ cổ trung đại cũng phát tích nhiều dòng tư tưởng có nhiều yếu tố có tính chất xã hội chủ nghĩa. Phật giáo là một trong số đó.

Hình thành trong bối cảnh xã hội Ấn Độ cổ có sự phân chia đẳng cấp rất khắc nghiệt, Phật giáo ra đời chủ trương khắc phục và tuyên bố về một xã hội bình đẳng bởi “tha nhân bình đẳng tính” hay “ta là Phật đã thành còn các con là Phật sẽ thành”. Mặc dù là một tôn giáo, song chính Phật giáo lại dung chứa nhiều tư tưởng xã hội tiến bộ. Phật giáo đề cao cho rằng, con người là sự tối thắng của chính mình (nhân thị tối thắng) bằng nỗ lực đoạn tuyệt căn nguyên của khổ não (tham, sân, si) bằng Tam học (giới, định, tuệ). Thông qua lối sống đạo thuận theo trung đạo (bát chính đạo), con người sẽ được giải thoát khỏi mọi khổ đau tục lụy để đạt đến cảnh giới niết bàn hay cõi cực lạc.

Theo đó, mục tiêu của nhân sinh là giải thoát. Phương thức thực hiện là tam học theo bát chính đạo để hình thành một lối sống thanh tịnh (mọi tà kiến, vọng ngữ, dục vọng - vô minh, ái dục được khắc phục để trí tuệ bát nhã hay Như Lai lộ rạng, giúp nhận diện chân lý - rời bến mê đến bến giác). Theo lô gíc tư duy đó, Phật giáo chủ trương khai mở trí tuệ thông qua thực hành lối sống chú trọng trì giới, tinh tấn và thiền định để giải thoát mình và tha nhân, với phương châm “tự độ độ tha, tự giác giác tha”. Trong nhân sinh quan Phật

giáo, có Tứ vô lượng tâm (Tù - Bi - Hỷ - Xả) mà Hồ Chí Minh, Trần Văn Giàu dịch nghĩa là “cứu khổ cứu nạn” hay “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha”. Nhân sinh quan giàu chất nhân văn, nhân đạo đó là mảnh đất thuận lợi để tiếp hợp các tư tưởng mác xít và gieo trồng thành quả ngọt cho chế độ xã hội chủ nghĩa. Vì lẽ đó, khi đề cập đến Phật giáo, Hồ Chí Minh cho rằng: “Tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm”⁽⁹⁾.

Với Việt Nam, kể từ sau khi đất nước bước vào thời kỳ độc lập tự chủ (năm 938) để xây dựng một quốc gia phong kiến, các tập đoàn cầm quyền buổi đầu đã sử dụng một số học thuyết được du nhập từ bên ngoài làm giá đỡ tư tưởng mà chủ yếu là Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo. Các học thuyết này trở thành trụ đỡ tư tưởng của dân tộc, hình thành một phức thể mà các nhà nghiên cứu gọi là Tam giáo đồng nguyên. Điều đó cho thấy, tuy có thời Phật giáo hay Nho giáo được sử dụng như quốc đạo, song không xuất hiện tình trạng độc tôn mà các học thuyết này có sự dung hợp để phục vụ mục đích của các triều đại trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Trên nền tảng đó, nhiều nhà tư tưởng yêu nước, tiến bộ đã kế thừa, bổ sung và phát triển thành tư tưởng Việt Nam mang đậm dấu ấn, cốt cách, tâm thức của người Việt mà không sao chép nguyên xi các tư tưởng bên ngoài.

Để hình thành tư tưởng của một dân tộc độc lập, tự cường, tự tôn, chuộng hòa bình, hòa hiếu, yêu thương giống nòi, trọng nhân nghĩa, giàu khoan dung... các nhà tư tưởng tiêu biểu như Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm... đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tư tưởng ấy là chủ nghĩa yêu nước cùng một hệ giá trị nhiều thang bậc giàu tính nhân văn, nhân đạo.

Có thể nói, các tư tưởng đó mặc dù có những khác biệt so với tư tưởng mác xít, song đều là mạch ngầm góp phần hình thành dòng chảy liên tục của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa mà chủ nghĩa Mác - Lênin là đỉnh cao. Vì lẽ đó, khi chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào Việt Nam, đã được tiếp nhận và trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống xã hội và nhanh chóng được hiện thực hóa.

2.2. Sự tương đồng và khác biệt giữa các giá trị phương Đông với tư tưởng mác xít về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Về sự tương đồng

Một là, sự tương đồng về mục đích. Theo đó, mục tiêu cao cả mà nhân loại theo đuổi trong hành trình dài lâu của mình là một xã hội có các giá trị cơ bản như công bằng, bình đẳng, nhân ái, hòa mục, khoan dung, “thái bình thịnh trị”... được xác lập, ngự trị.

Hai là, các tư tưởng đó đều nảy sinh trong điều kiện xã hội ở đó con người bị giam hãm, tù ngục bởi xã hội hiện tồn. Do vậy, nhu cầu giải phóng được đặt ra như là một nan đề mà các tư tưởng xã hội tiến bộ cần giải quyết.

Ba là, dù tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau song đều tập trung vào các chủ thể xã hội bao gồm kẻ thống trị cầm quyền và con người cá nhân để kiến giải và tìm cách giải quyết. Chẳng hạn, Nho giáo tập trung vào người quân tử, Phật giáo chú trọng con người cá nhân (con người là sự tối thắng với bản thân mình).

Bốn là, các khuynh hướng tư tưởng trên đều mong muốn con người hoàn thiện nhân cách, phẩm hạnh. Vấn đề này, năm 1927 khi phản đối chính quyền Quốc dân đảng xóa bỏ các lễ nghi tưởng niệm Khổng Tử, Hồ Chí Minh cho rằng: “Với việc xóa bỏ những lễ nghi tưởng niệm Khổng Tử, Chính phủ Trung Quốc đã làm mất đi một thể chế cũ và trái với tinh thần dân chủ.

Còn những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin”⁽¹⁰⁾.

Năm là, khi đề cập đến con người, vấn đề được quan tâm giáo hóa là làm sao để bớt tư tâm, tư dục, bớt lòng tham. Theo đó, Khổng Tử đã từng khuyên “kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”; Phật giáo cho rằng, cần hóa giải tam độc (tham, sân, si); chủ nghĩa Mác - Lênin chủ trương khắc phục chế độ tư hữu tư sản; Hồ Chí Minh dạy cán bộ cách mạng phải chống chủ nghĩa cá nhân...

Về những khác biệt

Một là, về trình độ, chủ nghĩa Mác - Lênin là sự kết tinh tinh hoa của nhân loại bởi nó đã phát hiện đúng bản chất của hiện tồn còn các tư tưởng phương Đông truyền thống phần nhiều chỉ phản ánh mơ ước, khát vọng.

Hai là, lập trường thế giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin là duy vật biện chứng trong khi các tư tưởng phương Đông truyền thống dù bao chứa một số yếu tố duy vật có giá trị, song không tránh khỏi tính chất duy tâm, nhất là khi đề cập đến lĩnh vực xã hội.

Ba là, rất nhiều đề xuất của các nhà tư tưởng phương Đông về các biện pháp, con đường tuy có nhiều giá trị tham khảo song cơ bản là không triệt để và mang biểu hiện duy tâm. Họ cơ bản đề cao vai trò giáo hóa con người trong điều kiện chế độ tư hữu nên khó thành hiện thực, trong khi để khắc phục triệt để chế độ tư hữu phải là một quá trình đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân loại bằng chính sức mạnh trần thế.

Bốn là, các tư tưởng phương Đông truyền thống, đặc biệt là Nho giáo chỉ chủ trương xây dựng một xã hội hòa mục, thái bình thịnh trị dựa trên ngôi thứ nhờ phẩm hạnh của các bậc quân tử hay Phật giáo chỉ quan tâm đến nỗi khổ sinh lý (bát khổ) mà bỏ qua nguyên nhân xã hội, còn

chủ nghĩa Mác - Lênin chủ trương kiến lập một chế độ xã hội để các quan hệ xã hội tốt đẹp nảy nở, phát lộ, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện với nền móng là sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất.

Năm là, dù các giá trị đạo đức con người, các giá trị xã hội tốt đẹp trong các tư tưởng phương Đông giàu ý nghĩa và có sức sống bền lâu với sự đúng đắn mang tính hướng đích, song trong một chế độ tư hữu khi tư lợi đang là động lực của kẻ cầm quyền, sự chà đạp những người lao động, người yếu thế được thừa nhận công khai theo luật khắc nghiệt của thị trường (chiến thắng là phần thưởng thuộc về kẻ mạnh) thì các mục tiêu xã hội dù cao đẹp cũng khó gieo trồng.

2. 3. Triển vọng trong nhận thức và hiện thực hóa mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trên nền tảng các giá trị phương Đông

Một sự thật chúng ta có thể xác tín rằng, “đất lành chim đậu”. Do vậy, chúng ta tin tưởng, nơi giàu giá trị nhân văn, nhân đạo mà các tư tưởng phương Đông đã phát tích, các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội sẽ thuận lợi trong quá trình hiện thực hóa. Niềm tin đó là có cơ sở bởi C.Mác đã từng điều chỉnh dự báo về triển vọng của cách mạng vô sản khi nghiên cứu tình hình cách mạng Nga và sự điều chỉnh đó là đúng đắn. Theo đó, ban đầu C.Mác cho rằng, cách mạng vô sản chỉ nổ ra trước hết trong các nước tư bản chủ nghĩa hay chí ít trong những nước phát triển nhất, song sau đó ông cho rằng, cuộc cách mạng đó có thể khởi đầu ở nước Nga. Trong thư gửi Phri-đrich A-đôn-phơ Doóc-gơ, C.Mác viết: “Lần này cách mạng sẽ nổ ra ở phương Đông vốn cho đến nay vẫn là thành trì chưa bị đụng đến và là đội quân dự trữ của thế lực phản cách mạng”⁽¹¹⁾.

Về vấn đề này, từ sớm Hồ Chí Minh đã nhận ra những tương đồng giữa các tư tưởng phương

Đông với các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội: “bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁽¹²⁾. Cơ sở của nhận định ấy bao gồm:

Một là, phương Đông là khu vực sớm hình thành nhiều trào lưu tư tưởng chứa đựng nhiều giá trị có tính chất xã hội chủ nghĩa.

Hai là, cơ sở kinh tế cho sự nảy mầm các tư tưởng xã hội chủ nghĩa là sự tồn tại dai dẳng và phổ biến của công xã nông thôn. Điều này làm cho sự phân biệt các giai cấp và đối kháng giai cấp không rõ ràng như ở các quốc gia châu Âu. Chẳng hạn, trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ, giai cấp nô lệ chưa bao giờ là giai cấp đóng vai trò chủ yếu trong phát triển lực lượng sản xuất xã hội. Lực lượng này đa phần là các gia nô phục dịch trong các gia đình giàu có. Hồ Chí Minh nhận xét: “Ấn Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây”⁽¹³⁾.

Ba là, về phương diện xã hội, ở phương Đông nói chung, dân tộc/quốc gia hình thành khá sớm. Đó là cơ sở để chủ nghĩa dân tộc nảy nở, phát triển mà theo Hồ Chí Minh, đó là động lực to lớn. Người cho rằng: “người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xôviết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc ấy sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế”⁽¹⁴⁾.

Bốn là, kể từ khi chủ nghĩa thực dân biến nhiều quốc gia phương Đông trở thành thuộc địa dưới chiêu bài “khai hóa văn minh”, ách áp bức vô cùng tàn bạo mà Hồ Chí Minh đã lên án kịch liệt trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Người khẳng định: “hiện nay nọc độc và sức sống của

con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”⁽¹⁵⁾.

Năm là, như một luồng gió mới, dù ở trình độ cao hơn và có nhiều khác biệt về chất so với các tư tưởng phương Đông truyền thống, chủ nghĩa Mác - Lênin đã dung chứa những giá trị tốt đẹp vốn là khát vọng bao đời của nhân dân các dân tộc phương Đông nên học thuyết đó nhanh chóng được tiếp nhận và bén rễ. Điều kỳ diệu và cũng là may mắn là, học thuyết đó được truyền bá vào giai cấp công nhân nói riêng và xã hội Việt Nam nói chung bởi những người cộng sản đầu tiên, ưu tú mà Hồ Chí Minh là đại biểu tiêu biểu.

Với Việt Nam, dân tộc được nuôi dưỡng bởi các tư tưởng xã hội chủ nghĩa dù còn chất phác, có mặt trong nhiều học thuyết xã hội, tất yếu sẽ đơm hoa kết quả ngọt. Đảng ta ra đời mới 15 năm đã lãnh đạo nhân dân giành độc lập dân tộc và sau 40 năm đổi mới đã thu được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thành quả đó không chỉ do Đảng ta vĩ đại mà còn do nhân dân ta anh hùng, được nuôi dưỡng bằng chủ nghĩa yêu nước chân chính và bồi đắp bởi các tư tưởng truyền thống giàu chất nhân văn, nhân đạo. Đó là cơ sở để Đảng ta quyết tâm khơi dậy khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội.

3. Kết luận

Trong bối cảnh thế giới đầy biến động, nhiều khó khăn, thách thức to lớn, các thế lực phản động đẩy mạnh cuộc tấn công vào chủ nghĩa xã hội, quyết tâm hạ bệ chủ nghĩa Mác - Lênin. Một trong số những luận điệu ấy cho rằng, chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết biệt lập, có tính tư biện và đó là dự án tư tưởng sai lầm mà người cộng sản Việt Nam cần phải từ bỏ để tránh nguy cơ tụt hậu cho dân tộc. Trái với các luận điệu đó, lịch sử chứng minh, ngay từ rất sớm, ở phương Đông đã xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng chứa đựng

nhiều giá trị có tính chất xã hội chủ nghĩa. Các giá trị đó tích hợp thành dòng chảy liên tục trong tiến trình lịch sử của nhân loại và cuối cùng được kết tinh ở trình độ đỉnh cao trong chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều đó khẳng định, học thuyết Mác - Lênin dù đang trải qua sự thử thách khắc nghiệt của lịch sử, song nhất định sẽ được nhân loại tiếp tục làm phong phú và từng bước hiện thực hóa.

Trong cuộc đấu tranh trường kỳ với tự nhiên và các thế lực ngoại xâm, người Việt Nam với bản tính kiên cường, giàu lòng tự tôn, thấm đẫm tình nhân ái, khoan dung từ rất sớm đã hình thành một hệ thống tư tưởng của riêng mình trên cơ sở tiếp nhận có chọn lọc các giá trị tiến bộ từ bên ngoài. Trên nền tảng lịch sử, văn hóa ấy, chủ nghĩa Mác - Lênin được gieo mầm thuận lợi và được hiện thực hóa. Qua 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước đã có những bước tiến dài về tiến bộ xã hội, phù hợp xu thế thời đại. Đó là cơ sở để chúng ta khẳng định rằng, con đường xã hội chủ nghĩa là đúng đắn và những giá trị tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội sẽ được hiện thực hóa ngày càng sinh động trong đời sống xã hội □

Ngày nhận bài: 30-5-2025; Ngày bình duyệt: 20-11-2025; Ngày duyệt đăng: 27-11-2025.

Email tác giả: hthoaittkh@gmail.com

(1), (2), (12), (13), (14), (15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.35, 35, 45, 509, 513, 296.

(3), (4), (5), (6), (7), (8) Tư Mã Thiên sử ký, Nxb Hà Nội, 1998, tr.202, 202, 235, 192, 247, 265.

(9) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1958, tr.39.

(10) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Sđd, tr.563.

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.34, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.405.